

Bản án số: 65a/2024/HS-ST
Ngày 22-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm

Bà Trương Thị Hiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 29/3/1988; tại: Thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Thẻ CCCD: 004088000450; cấp ngày: 02/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Bố đẻ: Lý Văn B (sinh năm 1966); Mẹ đẻ: Đàm Thị N (sinh năm 1966); cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: có ba anh, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị L (sinh năm 1988); Con: 02 con (sinh năm 2013 và 2019), cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Hồi 17h00 ngày 09/01/2024, tại khu vực mốc giới số 937(2) thuộc xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T4 - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11P1-001.39 có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành dừng xe, kiểm tra: lái xe là Lý Văn T (SN 1988; Trú tại: tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng); trên xe đang chở 01 (một) người là Đoàn Thị T1 (SN 1994; giới tính Nữ; Trú tại: xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam) không xuất trình được giấy tờ xuất cảnh hợp pháp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan và đưa tất cả về trụ sở để làm rõ sự việc.

Quá trình điều tra, xác định:

Đầu tháng 5/2023, Lý Văn T đang ở khu vực bờ sông thuộc xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đánh bắt cá, có gặp một người phụ nữ là Đoàn Thị T1 (T2 không biết T1 đi từ đâu đến). Tươi đề nghị thuê T chở T1 đi đến thị trấn H, huyện Q để đón xe khách về quê, và sẽ trả số tiền công là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), T đồng ý và đưa T1 đến nơi theo thỏa thuận, sau đó T1 chủ động xin số điện thoại của T để liên lạc. Đến ngày 06/01/2024, T1 sử dụng ứng dụng Zalo liên lạc với T để hỏi vấn đề đưa T1 xuất cảnh trái phép sang T, hứa sẽ trả tiền công, nhưng chưa nói rõ là bao nhiêu tiền. T đồng ý và nói với T1 khi nào lên Cao Bằng thì gọi điện thông báo trước để T đến đón, đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Đến 15 giờ ngày 09/01/2024, T nhận được điện thoại của Đoàn Thị T1, T1 nói với T đến khu vực cầu cứng thuộc thị trấn H, huyện Q đón T1 rồi đưa đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, T đồng ý. Sau đó, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11P1-001.39 đi từ nhà đến cầu cứng thuộc thị trấn H để đón và đưa T1 đến khu vực bờ sông biên giới thuộc xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng để đưa T1 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trên đường đi, T1 có hỏi giá tiền công đưa xuất cảnh trái phép là bao nhiêu tiền, T trả lời là 1.000.000đ (một triệu đồng), T1 nói là nếu sang đến Trung Quốc thành công sẽ trả cho T số tiền 300 CNY (Ba trăm nhân dân tệ), T đồng ý. Khi T đang chở T1 đến khu vực Mốc biên giới số 937 (2) thuộc xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của Lý Văn T đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C truy cứu về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự:

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSCB-P1 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lý văn T3 về tội “*Tổ chức cho*

người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lý Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”; xử phạt bị cáo Lý Văn T từ 12 đến 15 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Vật chứng: Tịch thu phát mại 01 điện thoại di động của bị cáo dùng vào việc phạm tội; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị xem xét giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên toà, bị cáo Lý Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại tòa phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Ngày 09/01/2024, Lý Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11P1-001.39 đến khu vực cầu C thuộc thị trấn H, huyện Q đón được Đoàn Thị T1 (quốc tịch Việt Nam) để đưa đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với số tiền công thỏa thuận là 300 CNY (Ba trăm nhân dân tệ). Khi T đang chở T1 đến khu vực Mốc biên giới số 937 (2) thuộc xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang. Do chưa đưa được T1 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thành công nên T chưa nhận được tiền công của T1.

Hành vi của bị cáo Lý Văn T đã phạm vào tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

“Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh

hoặc ở lại Việt Nam trái phép

1. Người nào vì vụ lợi mà tâu chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, xuất cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo.

[5] Các nhận định khác:

Đối với Đoàn Thị T1 là công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc: Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T4- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C đã xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11P1-001.39: sau khi xác định được xe mô tô thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà Nguyễn Thị L (vợ của bị can Lý Văn T), Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 78/QĐ-ANĐT-Đ2 ngày 25/01/2024 và trả lại chiếc xe mô tô cho bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

Quá trình điều tra, bị cáo Lý Văn T có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Lý Văn T là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Lý Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lý Văn T 12 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, (*được trừ đi thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ 09/01/2024 đến 25/01/2024*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Lý Văn T”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lý Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

